

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC THÁNG 10/2024
LỚP LÁ

Lĩnh vực phát triển	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Hình thức			Ghi chú
			Chế độ sinh hoạt/ Vui chơi	Giờ học	Chủ đề/Sự kiện lễ hội	
I. Giáo dục phát triển thể chất	1. Phát triển vận động:					
	1.1 Thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp					
	- Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp (MT1)	- Thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp theo hiệu lệnh, theo bản nhạc	TDS			
	1.2 Tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động:					
	Trẻ giữ thăng bằng của cơ thể khi thực hiện các vận động (MT2.1)	- Đi trên dây, đi lên xuống ván dốc (dài 2m, rộng 3,5m) một đầu kê cao 0,3m.		2	Gia đình	- Đi trên dây (dây đặt trên sàn). - Đi lên xuống trên ván kê dốc
		- Đứng 1 chân và giữ thăng người trong 10 giây.	VCNT			
- Đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2mx0,25mx0,35m) (CS11)		VCNT	1	Bản thân	Đi trên ghế băng đầu đội túi cát	
- Tung bóng lên cao và bắt bóng.		VCNT	1	Bản thân		

		- Tung đập bắt bóng tại chỗ (CS10).	VCNT			
		- Trèo lên xuống 7 gióng thang (CS4).	VCNT	1	Bản thân	
	- Trẻ phối hợp tay - mắt trong khi thực hiện các vận động (MT2.7)	- Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.	VCNT			
	1.3 Tập các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ:					
	Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ nhỏ (Chuẩn 2)(MT3.2)	- Bẻ, uốn nắn đất nặn.	VCTL			
		- Tô đồ theo nét.	HĐC			
		- Cắt được theo đường viền của hình vẽ (CS7).	VCTL	2	Bản thân, gia đình	- Cắt dán áo bạn trai – bạn gái. - Làm cần câu cá (ứng dụng steam)
		- Tô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ (CS6).	VCTL	3	Bản thân, gia đình	- Vẽ thêm các bộ phận còn thiếu. - Vẽ chân dung bé. - Vẽ chân dung người thân trong gia đình

		- Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya). Tự mặc và cởi được áo (CS5).	MLMN			
	2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe:					
		- Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày (CS19).	Giờ ăn			
	Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; không uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe (MT4.3)	- Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; không uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	MLMN	1	Bản thân	- Cơ thể bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh
		- Làm quen một số thao tác đơn giản trong chế biến món ăn thức uống.	VCTL			
		- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì).	MLMN			
		- Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn (CS15). Tự lau mặt, đánh răng.	MLMN			
		- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách	MLMN			
		- Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định (CS5).	MLMN			
		- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, đi xong dội/giặt nước cho sạch.	MLMN			
	Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách (MT5).					
	Trẻ sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo (MT5).	- Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	Giờ ăn			

	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống (MT6.1)	- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe (CS20).	MLMN			
		- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	MLMN			
	Trẻ biết lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người (MT6.2)	- Tự rửa mặt, chải răng hằng ngày (CS16).	MLMN			
		- Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng (CS18).	MLMN			
	Trẻ có một số thói quen tốt trong vệ sinh cá nhân, biết cách phòng bệnh (MT6.3)	- Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp (CS17).	MLMN			
		- Biết hút lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc (CS26).	MLMN			
		- Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.	MLMN			
	Trẻ nhận biết ích lợi, lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết (MT6.4)	- Nhận biết ích lợi, lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết: Ra nắng đội mũ: đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh	MLMN			
	Trẻ kể được tên và bước đầu biết phòng tránh một số hành động nguy hiểm, nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm (MT6.6)	- Nhận ra và không chơi những đồ vật có thể gây nguy hiểm (CS21).	MLMN			

	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ (MT6.7)	- Không ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.	MLMN	1	Gia đình	- Không đi theo và nhận quà của người lạ.
		- Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.				
	- Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn (MT7.5)	- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	MLMN			
II. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng hệ xã hội	1. Phát triển tình cảm:					
	- Trẻ chủ động và độc lập trong một số hoạt động (MT1.6)	- Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày (CS33).	TCS		Bản thân, gia đình	
	- Trẻ biết vị trí và trách nhiệm của mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình và trong lớp học (MT1.4)	- Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác (CS52).	TCS			
	- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức (trực nhật, xếp dọn đồ chơi, ...) (MT1.5)	- Có thói quen tự lấy và cất đồ chơi nhanh nhẹn, gọn đẹp và đúng nơi qui định.	x			
	- Trẻ mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến (MT1.7).	- Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân (CS34).	VCTL			
	- Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi, ...)	- Chủ động làm 1 số công việc đơn giản hằng ngày (CS33).				

- Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao (MT2).	- Cố gắng thực hiện công việc đến cùng (CS31).				
Trẻ nhận biết và biểu lộ một số trạng thái cảm xúc (MT3.1, MT3.2)	- Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận xấu hổ... của người khác (CS35). - Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ nét mặt (CS36).	MLMN			
2. Phát triển kỹ năng xã hội:					
Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (MT4.1)	- Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: sau khi chơi, cất đồ chơi vào nơi quy định, trật tự khi ăn, khi ngủ, không làm ồn nơi công cộng, đi bên phải lề đường, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	MLMN			
Trẻ không nói tục, chửi bậy	- Không nói tục, chửi bậy (CS78).	MLMN			
Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép (MT4.2)	- Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn (CS54).				
Trẻ lắng nghe ý kiến người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép, lịch sự (MT4.3).	- Lắng nghe ý kiến của người khác (CS48).				
Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác (MT4.4) .	- Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện (CS75).				
Trẻ biết chờ đến lượt (MT4.5).	- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động (CS49).		1		KNS: Xếp hàng chờ tới lượt

Trẻ tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn (MT4.6)	- Trao đổi ý kiến của mình với các bạn (CS49).	VCTL			
- Trẻ quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn (MT4.8) .	- Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi (CS44). - Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn (CS45). - Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn (CS60).	MLMN	1		TC-KNXH: Quan tâm, chia sẻ quần áo, đồ dùng đến các bạn gặp bão lũ
Trẻ nhận xét và tỏ thái độ với hành vi đúng - sai, tốt - xấu (MT4.9).	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi đúng - sai, tốt - xấu.	MLMN			
- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (MT4.10)	- Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	VCTL			
- Trẻ giữ gìn vệ sinh môi trường. Bỏ rác đúng nơi quy định (MT5.1)	- Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hằng ngày (CS57).	MLMN			
- Trẻ thể hiện hành vi văn minh nơi công cộng phù hợp độ tuổi và biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (MT5.2)	Thể hiện hành vi văn minh nơi công cộng phù hợp độ tuổi và biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa, ...).	VCNT			
- Trẻ thích chăm sóc, bảo vệ cây, con vật thân thuộc. (MT5.3)	- Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc (CS38).	VCNT			
- Trẻ tiết kiệm trong sinh hoạt: khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn. (MT5.4)	- Tiết kiệm trong sinh hoạt: khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	MLMN			

III. Giáo dục phát triển thẩm mỹ	1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của SVHT trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật					
	- Trẻ thể hiện thái độ, tình cảm như tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các SVHT trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật (MT1.1)	- Thể hiện thái độ, tình cảm như tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các SVHT trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật...	VCTL			
	- Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc, thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện (MT1.2)	- Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc, thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	VCTL			
	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục,...) của các tác phẩm tạo hình (MT1.3)	- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục,...) của các tác phẩm tạo hình.	VCTL			
	2. Một số kỹ năng và thể hiện sự sáng tạo khi tham gia hoạt động âm nhạc :					
	- Trẻ nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc (MT2.2)	- Nhận ra giai điệu (vui buồn, êm dịu) của bài hát hoặc bản nhạc (CS 99).	VCTL			
	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ (MT2.3)	- Hát đúng giai điệu bài hát của trẻ em (CS100).	VCTL	2		DH: Cái mũi, Em chơi đu

	- Trẻ vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu, phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa) (MT2.4)	- Thể hiện cảm xúc của bài hát hoặc bản nhạc (CS101).	VCTL	1		Múa cho mẹ xem
	- Trẻ sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu của bài hát (MT2.5).	- Trẻ sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu của bài hát.		2		- Tiết tấu chậm (Mời bạn ăn, nhà của tôi)
	- Trẻ lựa chọn và phối hợp các NVL tạo hình, vật liệu thiên nhiên, phế liệu để tạo ra sản phẩm (MT2.6)	- Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn (CS8). - Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản (CS102).		x		
IV. Giáo dục phát triển ngôn ngữ	1. Nghe hiểu lời nói:					
	- Trẻ nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Trẻ nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi (MT1.4)	- Nghe hiểu nội dung câu chuyện, bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao phù hợp với lứa tuổi của trẻ (CS64).	HĐC	x		
	2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày:					
	- Trẻ nói rõ ràng để người khác hiểu.	- Nói mạch lạc, rõ ràng (CS65).	MLMN			
	- Trẻ sử dụng được các từ “cảm ơn”, “xin lỗi”, “xin phép”, “thưa”, “ạ”, “vâng”... phù hợp với tình huống (MT2.7).	- Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn (CS54). - Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống (CS 77).	MLMN			
	- Trẻ sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động	- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính	MLMN			

đặc điểm phù hợp với ngữ cảnh (MT2.10).	chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày (CS66).				
Trẻ đọc biểu cảm các bài thơ, cao dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè phù hợp lứa tuổi (MT2.13).	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè.	HĐC			
- Trẻ thực hiện một số quy tắc thông thường trong giao tiếp.	- Không nói tục, chửi bậy (CS78).	MLMN			
3. Làm quen với việc đọc - viết:					
-Trẻ thể hiện một số hành vi ban đầu của việc đọc	- Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói (CS86).	MLMN			
	- Chọn sách để “đọc” và xem (MT3.3)	VCTL			
	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau (MT3.8).	HĐC			
- Trẻ làm quen và nhận ra một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ, cấm lửa) (MT3.1).	- Biết ý nghĩa một số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống (CS82).	MLMN			
- Trẻ kể chuyện theo minh họa và kinh nghiệm của bản thân (MT3.2).	- Kể chuyện theo minh họa và kinh nghiệm của bản thân.		4		- Ai đáng khen nhiều hơn. - Ba cô gái - Hai anh em - Giấc mơ kì lạ
- Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói.	- Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói (CS86).	VCTL	x		

	- Trẻ tô đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên mình (MT3.6).	- Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái (CS88). - Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình (CS89).	VCTL	x		
	- Trẻ làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt (MT3.7).	- Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu (CS91).		3		b-e, d-ư, đ-ê
	- Trẻ thể hiện sự thích thú với sách.	- Thể hiện sự thích thú với sách (CS80).	VCTL, HĐC			
	- Trẻ giữ gìn, bảo vệ sách (MT3.11)	- Giữ gìn, bảo vệ sách (CS 81).				
	- Trẻ phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách (MT3.9)	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách (CS85).				
V. Giáo dục phát triển nhận thức	1. Khám phá khoa học :					
	Trẻ biết xem xét tìm hiểu đặc điểm của sự vật hiện tượng					
	-Trẻ biết chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể (MT1.1).	- Biết chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.		1	Bản thân	Tìm hiểu các giác quan
	- Trẻ biết phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu (MT1.2).	- Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng (CS96).	VCTL	1	Gia đình	Đồ dùng trong gia đình
- Trẻ tò mò, tìm tòi khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật hiện tượng “Tại sao có mưa?” (MT2.1).	- Hay đặt câu hỏi (CS112). - Thích khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh (CS113).	x				

	- Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... (MT4.2)	- Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...		x		
2. LQ với 1 số khái niệm sơ đẳng về toán:						
* Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm						
	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng (MT5.1) - Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất...(MT5.4) - Trẻ nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số để chỉ số lượng, số thứ tự (MT5.5)	- Biết gộp các đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. - Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10 (CS104).		2	Bản thân	- Chữ số 6 - Thêm bớt, tạo nhóm trong phạm vi 6
	- Trẻ biết tách, gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 10 và so sánh kết quả. - Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10 (CS104).	- Tách đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm (CS105).		1	Gia đình	Tách 6 đối tượng thành 2 phần bằng nhiều cách khác nhau
	- Trẻ quan tâm đến chữ số và số lượng ở xung quanh (MT5.4)	- Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm: Bao nhiêu? Đây là mấy?		x		
* Hình dạng						
	- Trẻ nhận biết, gọi tên và nhận dạng các hình đó trong thực tế (MT9.1)	Nhận biết, gọi tên và nhận dạng các hình đó trong thực tế		1	Bản thân	Nhận biết hình tròn, vuông, tam

						giác, chữ nhật
* Định hướng trong không gian và định hướng thời gian						
- Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần (MT10.4)	Gọi đúng tên các thứ trong tuần		1	Gia đình		Nhận biết các ngày trong tuần
3. Khám phá xã hội:						
* Bản thân, gia đình, trường MN, cộng đồng.						
- Trẻ biết và nói đúng tên họ, ngày sinh, giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình khi được hỏi (MT11.1).	- Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân (CS28). - Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân - Vị trí của trẻ trong gia đình (CS29).	VCTL	1	Bản thân		Trò chuyện về tên, tuổi, giới tính, sở thích của trẻ
	- Nói tên tuổi giới tính, công việc hàng ngày, sở thích của các thành viên trong gia đình.	MLMN	1			Trò chuyện các thành viên trong gia đình bé
	- Các thành viên trong gia đình, quy mô gia đình, nhu cầu của gia đình.		x			Một số đồ dùng trong gia đình
	- Địa chỉ, số điện thoại của gia đình.		x		Gia đình	
* Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa						
- Trẻ kể tên được một số lễ hội, và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội (MT13.1)	Kể tên một số lễ hội, và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 02/09) cả phố nhà em treo			Mẹ của bé		

		cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”. (Các lễ hội trong năm).				
TỔNG CỘNG				35	5	